

Số:193/QĐ-CDNTTB-ĐT

Hoà Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2019

**QUY ĐỊNH CHI TIẾT
Chế độ làm việc của nhà giáo**

Căn cứ Quyết định số 3476/QĐ-BVHTTDL ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Tây Bắc;

Căn cứ Thông tư Số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-CDNTTB-ĐT ngày 23 tháng 08 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Tây Bắc về việc ban hành Quy định Tổ chức đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế;

Theo đề nghị của Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Tây Bắc ban hành quy định chi tiết về chế độ làm việc đối với nhà giáo;

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định chế độ làm việc của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp của trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Tây Bắc.

2. Quy định này áp dụng đối với nhà giáo tham gia giảng dạy trong nhà trường.

Điều 2. Giờ chuẩn, thời gian giảng dạy, định mức giờ giảng, quy mô lớp học

1. Giờ chuẩn là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết trước, trong và sau giờ giảng để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy gồm: Chuẩn bị giảng dạy; thực hiện giảng dạy; kiểm tra định kỳ kết quả học tập của môn học.

2. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn, trong đó:

a) Một giờ dạy lý thuyết (*Các môn chung - Lý thuyết cơ sở ngành*) là 45 phút được tính bằng 1 giờ chuẩn.

b) Một giờ dạy tích hợp (*Kết hợp cả lý thuyết và thực hành*) là 60 phút được tính bằng 1 giờ chuẩn.

c) Một giờ dạy thực hành là 60 phút được tính bằng 1 giờ chuẩn.

3. Định mức giờ giảng được xác định là số giờ chuẩn cho mỗi giáo viên, giảng viên phải giảng dạy, được quy định theo năm học.

4. Quy mô lớp học:

- Lớp học lý thuyết không quá 35 học sinh, sinh viên.

- Lớp học thực hành, tích hợp không quá 18 học sinh, sinh viên.

Hiệu trưởng quyết định số học sinh, sinh viên cụ thể của lớp học, đảm bảo phù hợp với đặc điểm từng ngành, nghề.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA NHÀ GIÁO GIẢNG DẠY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP

Điều 3. Nhiệm vụ

1. Công tác giảng dạy, bao gồm:

a) Chuẩn bị giảng dạy: Soạn giáo án, lập đề cương bài giảng, chuẩn bị tài liệu, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy môn học được phân công giảng dạy;

b) Giảng dạy môn học được phân công theo kế hoạch và quy định của chương trình;

c) Đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên gồm: soạn đề kiểm tra, coi kiểm tra, đánh giá kiểm tra định kỳ.

2. Coi thi/kiểm tra, đánh giá kết thúc môn học; chấm thi tuyển sinh; chấm thi tốt nghiệp; hướng dẫn, đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp; đánh giá kết quả nghiên cứu của học sinh, sinh viên.

3. Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định.

4. Hướng dẫn sinh viên làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có) hướng dẫn thực tập; luyện thi cho học viên, học sinh, sinh viên giỏi tham gia kỳ thi các cấp.

5. Biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung môn học được phân công giảng dạy.

6. Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp.

7. Tổ chức các hoạt động giáo dục và rèn luyện học sinh, sinh viên.

8. Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy.

9. Tham gia bồi dưỡng cho nhà giáo theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của trường, khoa, bộ môn.

10. Nghiên cứu khoa học; hướng dẫn học sinh, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy.

11. Tham gia sinh hoạt, các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia công tác quản lý đào tạo.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

Điều 4. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm

1. Thời gian làm việc của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp là 44 tuần/năm học theo chế độ tuần làm việc 40 giờ, trong đó:

a) Thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học sinh, sinh viên:

- 32 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng;
- 36 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ trung cấp.

b) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học:

- + 08 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng
- + 04 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ trung cấp

- Trong năm học Nhà giáo không thực hiện 04 hoạt động theo quy định bao gồm: Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học thì Hiệu trưởng nhà trường sẽ thực hiện việc quy đổi thời gian của 04 hoạt động trên thành định mức giờ chuẩn theo quy định của nhà trường.

- Căn cứ vào kế hoạch học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học từ đầu năm học, các Khoa xây dựng kế hoạch học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học cho nhà giáo nộp phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế tổng hợp trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế là đơn vị thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch của các khoa.

- Kết thúc mỗi kỳ học hoặc năm học Trường, phó các khoa tổng hợp kết quả thực hiện công tác học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học nộp phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế tổng hợp báo cáo.

c) Thực tập tại cơ quan chuyên môn: **04 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp.** Các khoa xây dựng kế hoạch thực tập cho nhà giáo tại các cơ quan chuyên môn. Kết thúc đợt thực tập có xác nhận của cơ quan chuyên môn. Các khoa tổng hợp nộp phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế.

c) Trường hợp nhà giáo sử dụng không hết thời gian để học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học theo quy định thì Hiệu trưởng quy đổi thời gian còn lại chuyển sang làm công tác giảng dạy hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao. Số giờ quy đổi được tính thêm vào định mức giờ giảng trong năm học của nhà giáo. Tính số giờ quy đổi theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian không sử dụng để học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học với thời gian thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học sinh, sinh viên được quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao vượt quá 04 tuần thì được giảm giờ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 7 của quy định này.

2. Thời gian nghỉ hằng năm của nhà giáo là 08 tuần, của viên chức quản lý có tham gia giảng dạy là 06 tuần, bao gồm: nghỉ hè, nghỉ Tết, nghỉ các ngày lễ, trong đó:

a) Thời gian nghỉ hè thay cho nghỉ phép hằng năm, được hưởng nguyên lương và phụ cấp;

b) Các chế độ nghỉ khác thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành.

c) Căn cứ kế hoạch năm học và điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng sẽ bố trí cho giảng viên, giáo viên nghỉ vào thời gian thích hợp.

Điều 5. Định mức giờ giảng của nhà giáo

1. Định mức giờ giảng trong một năm học:

- **400 giờ chuẩn** đối với nhà giáo dạy trình độ Cao đẳng.

- **450 giờ chuẩn** đối với nhà giáo dạy trình độ Trung cấp.

2. Định mức giờ giảng dạy các môn học chung bao gồm các môn học:

Giáo dục chính trị; Pháp luật; Tin học; Tiếng anh; Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng - an ninh.

- **450 giờ chuẩn** đối với nhà giáo dạy trình độ Cao đẳng.

- **510 giờ chuẩn** đối với nhà giáo dạy trình độ Trung cấp.

3. Định mức giờ đệm đàn của nhà giáo trong một năm học:

- **1 giờ = 0.5 giờ chuẩn**

4. Định mức giờ giảng của nhà giáo tham gia giảng dạy nhiều cấp độ trong một năm học được áp dụng theo định mức giờ giảng ở cấp trình độ cao đẳng.

5. Định mức giờ giảng cho viên chức quản lý, viên chức các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có đủ tiêu chuẩn để tham gia giảng dạy được quy định như sau:

a) Hiệu trưởng: **30 giờ/năm**

b) Phó Hiệu trưởng: **40 giờ/năm**

c) Trưởng phòng và tương đương: **60 giờ/năm**

d) Phó Trưởng phòng và tương đương: **70 giờ/năm**

đ) Nhà giáo kiêm nhiệm làm việc tại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ về đào tạo; quản lý học sinh, sinh viên; Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục: **80 giờ/năm**.

e) Nhà giáo kiêm nhiệm làm việc tại các Phòng, ban được quy đổi giờ làm thêm thành giờ chuẩn theo nguyên tắc 02 giờ làm thêm = 01 giờ chuẩn (*Có sự phê duyệt của Hiệu trưởng*).

g) Khối lượng thực hiện công việc của nhà giáo trong năm học là cơ sở để tính chế độ phụ cấp, ưu đãi nghề.

- Trên cơ sở định mức được quy định đối với nhà giáo. Nhà giáo được hưởng % phụ cấp đúng lớp theo tỷ lệ % khối lượng công việc đã thực hiện trong kỳ học/ năm học.

h) Nhà giáo thuộc các đối tượng sau không được hưởng phụ cấp ưu đãi trong các thời gian sau:

- Thời gian đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.

- Thời gian đi công tác, học tập ở trong nước không tham gia giảng dạy liên tục trên 03 tháng.

- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên.

- Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của Điều lệ bảo hiểm xã hội hiện hành.

- Thời gian bị đình chỉ giảng dạy.

6. Viên chức các phòng chuyên môn, nghiệp vụ khác đủ tiêu chuẩn để tham gia giảng dạy thì căn cứ vào khối lượng công việc, nhiệm vụ được giao, Hiệu trưởng có thể ký hợp đồng giảng dạy nếu có nhu cầu.

Chương III

CHẾ ĐỘ DẠY THÊM GIỜ, GIẢM GIỜ GIẢNG VÀ QUY ĐỔI CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC - CHUYÊN MÔN KHÁC RA GIỜ CHUẨN

Điều 6. Chế độ dạy thêm giờ

1. Trong năm học, nhà giáo, công chức, viên chức quản lý và viên chức các phòng ban, tổ chuyên môn, nghiệp vụ tham gia giảng dạy có số giờ giảng vượt định mức giờ giảng tại khoản 1,2,3,5 Điều 5 của quy định này thì được tính là dạy thêm giờ.

2. Đối với nhà giáo: Số giờ dạy thêm không vượt quá số giờ quy định của luật lao động hiện hành.

3. Đối với công chức, viên chức quản lý, viên chức các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ tham gia giảng dạy: Số giờ dạy vượt định mức không vượt quá 1/2 định mức giờ giảng quy định tại khoản 5 Điều 5.

4. Cách tính trả lương dạy thêm giờ theo quy định hiện hành. (*Thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm của nhà trường*).

Điều 7. Chế độ giảm định mức giờ giảng

1. Nhà giáo tham gia công tác quản lý:

a) Nhà giáo kiêm trưởng bộ môn được giảm 20% định mức giờ giảng.

* Giảng dạy trình độ Cao đẳng:

400 giờ chuẩn - 20% = **320 giờ chuẩn/năm**

* Giảng dạy trình độ Trung cấp:

450 giờ chuẩn - 20% = **360 giờ chuẩn/năm**

b) Trưởng khoa được giảm 30% định mức giờ giảng.

* Giảng dạy trình độ Cao đẳng:

400 giờ chuẩn - 30% = **280 giờ chuẩn/năm**

* Giảng dạy trình độ Trung cấp:

450 giờ chuẩn - 30% = **315 giờ chuẩn/năm**

c) Phó trưởng khoa được giảm 20% định mức giờ giảng.

* Giảng dạy trình độ Cao đẳng:

400 giờ chuẩn - 20% = **320 giờ chuẩn/năm**

* Giảng dạy trình độ Trung cấp:

450 giờ chuẩn - 20% = **360 giờ chuẩn/năm**

2. Nhà giáo kiêm công tác Đảng.

a) Nhà giáo kiêm Bí thư Đảng ủy được giảm 30% định mức giờ giảng.

* Giảng dạy trình độ Cao đẳng

400 giờ chuẩn - 30% = **280 giờ chuẩn/năm**

* Giảng dạy trình độ Trung cấp

450 giờ chuẩn - 30% = **315 giờ chuẩn/năm**

b) Phó Bí thư Đảng ủy được giảm 20% định mức giờ giảng.

* Giảng dạy trình độ Cao đẳng

400 giờ chuẩn - 20% = **320 giờ chuẩn/năm**

* Nhà giáo giảng dạy trình độ Trung cấp

450 giờ chuẩn - 20% = **360 giờ chuẩn/năm**

3. Nhà giáo làm công tác Công đoàn không chuyên trách được thực hiện theo Mục 11 Điều 3 Thông tư 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2016

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho giáo viên, giảng viên làm công tác Công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

+ Nhà giáo làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch công đoàn cơ sở không chuyên trách được giảm 44 giờ dạy trong một năm học.

- Giảng dạy trình độ Cao đẳng

400 giờ chuẩn - 44 giờ = **356 giờ chuẩn/năm**

- Nhà giáo giảng dạy trình độ Trung cấp

450 giờ chuẩn - 44 giờ = **406 giờ chuẩn/năm**

+ Nhà giáo làm ủy viên Ban chấp hành, Tổ trưởng, Tổ phó tổ công đoàn không chuyên trách được giảm 22 giờ trong một năm học.

- Giảng dạy trình độ Cao đẳng

400 giờ chuẩn - 22 giờ = **378 giờ chuẩn/năm**

- Giảng dạy trình độ Trung cấp

450 giờ chuẩn - 22 giờ = **428 giờ chuẩn/năm**

4. Nhà giáo kiêm công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam được thực hiện theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

a) Bí thư Đoàn thanh niên cấp trường là nhà giáo được dành 50% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội.

- Giảng dạy trình độ Cao đẳng

400 giờ chuẩn - 50% = **200 giờ chuẩn/năm**

- Giảng dạy trình độ Trung cấp

450 giờ chuẩn - 50% = **225 giờ chuẩn/năm**

b) Phó Bí thư đoàn trường được giảm 40% thời gian làm việc theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội.

- Giảng dạy trình độ Cao đẳng

400 giờ chuẩn - 40% = **240 giờ chuẩn/năm**

- Giảng dạy trình độ Trung cấp

450 giờ chuẩn - 40% = **270 giờ chuẩn/năm**

c) Nhà giáo kiêm nhiều chức vụ được giảm định mức giờ giảng ở định mức cao nhất.

3. Không giảm trừ giờ giảng đối với công chức, viên chức quản lý, viên chức các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại khoản 5, Điều 5 của quy định này.

4. Chế độ giảm giờ giảng đối với các nhà giáo khác:

a) Nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao vượt quá thời gian quy định (*Căn cứ Quyết định của Hiệu trưởng*) được giảm 14 giờ/1 tuần học tập, bồi dưỡng.

b) Nhà giáo trong thời gian tập sự, thử việc được giảm 30% định mức giờ giảng.

c) Nhà giáo là nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được giảm 15% định mức giờ giảng;

d) Nhà giáo trong thời gian thai sản, chữa bệnh dài ngày được giảm định mức giờ giảng theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội với thời gian phải thực hiện công tác giảng dạy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của quy định này theo từng cấp trình độ.

Điều 8. Quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ chuẩn

1. Giảng dạy:

- Trường hợp các môn học chung cần thiết phải ghép lớp: lớp có trên 35 học sinh, sinh viên: 1 giờ được tính bằng 1,2 giờ chuẩn; có trên 50 học sinh, sinh viên: 1 giờ được tính bằng 1,3 giờ chuẩn; tối đa không quá 60 học sinh, sinh viên;

2. Soạn đề kiểm tra, coi kiểm tra, chấm kiểm tra kết thúc môn học:

a) Soạn đề kiểm tra:

+ Một đề kiểm tra viết tự luận kèm theo đáp án được tính bằng 01 giờ chuẩn; Một đề kiểm tra trắc nghiệm kèm theo đáp án được tính bằng 1,5 giờ chuẩn;

+ Một đề kiểm tra vấn đáp kèm theo đáp án được tính bằng 0,25 giờ chuẩn; Một đề kiểm tra thực hành kèm theo đáp án được tính bằng 0,5 giờ chuẩn.

b) Coi kiểm tra: 1 giờ coi kiểm tra được tính bằng 0,3 giờ chuẩn.

c) Chấm kiểm tra:

+ Kiểm tra viết tự luận, kiểm tra trắc nghiệm: 0,1 giờ chuẩn/bài.

+ Kiểm tra vấn đáp: 0,2 giờ chuẩn/học sinh, sinh viên;

+ Kiểm tra thực hành: 0,2 giờ chuẩn/học sinh, sinh viên.

3. Soạn đề thi, coi thi, chấm thi tốt nghiệp

a) Soạn đề thi:

+ Một đề thi viết tự luận kèm theo đáp án được tính bằng 02 giờ chuẩn.

+ Một đề thi trắc nghiệm kèm theo đáp án được tính bằng 2,5 giờ chuẩn.

+ Một đề thi vấn đáp kèm theo đáp án được tính bằng 0,5 giờ chuẩn; Một đề thi thực hành kèm theo đáp án được tính bằng 1,5 giờ chuẩn.

b) Coi thi: 1 giờ coi thi được tính bằng 0,5 giờ chuẩn.

c) Chấm thi:

- + Thi viết tự luận, thi trắc nghiệm: 0,2 giờ chuẩn/bài.
- + Thi vấn đáp: 0,4 giờ chuẩn/học sinh, sinh viên; Thi thực hành: 0,4 giờ chuẩn/học sinh, sinh viên.

4. Hướng dẫn, đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp: được tính là 15 giờ chuẩn/đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

5. Hướng dẫn thực tập: 01 ngày (8 giờ làm việc) được tính bằng 3 giờ chuẩn.

6. Bồi dưỡng cho nhà giáo tham gia Hội giảng các cấp; cho học sinh, sinh viên tham gia các cuộc thi các cấp: 01 giờ luyện tập được tính là 1.5 giờ chuẩn (*Có kế hoạch được Hiệu trưởng phê duyệt*).

7. Thi kết thúc học phần gồm: Hiệu trưởng; Phó Hiệu trưởng phụ trách Đào tạo: **1 môn thi = 1 giờ chuẩn**

- Trưởng, phó phòng Đào tạo - phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng: **1 môn thi = 0.75 giờ chuẩn**

- Các Trưởng hoặc Phó phụ trách khoa: **1 môn thi = 1 giờ chuẩn** (*Trương đương với số môn thi do đơn vị mình phụ trách*).

9. Thi tốt nghiệp gồm: Chủ tịch, phó Chủ tịch, Thư ký Hội đồng: **1 giờ làm việc = 1 giờ chuẩn**.

10. Việc quy đổi các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác ra giờ chuẩn để tính khối lượng giảng dạy cho giảng viên, giáo viên do Hiệu trưởng quy định.

Điều 9. Nghiên cứu khoa học

+ Việc giao và triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho nhà giáo phải phù hợp với điều kiện, tiềm lực khoa học, định hướng phát triển hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường và phù hợp với năng lực chuyên môn của nhà giáo. Hiệu trưởng giao cụ thể nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho nhà giáo của đơn vị.

+ Hiệu trưởng căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan.

- Nhà giáo kiêm nhiệm làm việc tại các phòng được miễn nhiệm vụ NCKH (*Khuyến khích viên chức, nhà giáo kiêm nhiệm hằng năm tham gia công tác nghiên cứu khoa học để phục vụ sự nghiệp phát triển giáo dục đào tạo của nhà trường*). Miễn nhiệm vụ NCKH cho các nhà giáo được cử đi học sau đại học và nghiên cứu sinh.

+ Quyền lợi của người tham gia Nghiên cứu khoa học

- Công tác Nghiên cứu khoa học, công nghệ được tính kết quả công tác và hưởng chế độ theo quy chế đối với nhà giáo, làm căn cứ để xét thi đua hàng năm.

- Được tính điểm đề tài NCKH khi xét phong các chức danh khoa học.

- Được quyền bảo hộ sở hữu công nghệ và quyền tác giả khi công bố kết quả công trình NCKH - CN theo quy định chung của nhà nước.

9.1 Quy đổi giờ nghiên cứu khoa học sang định mức giờ giảng dạy (giờ chuẩn):

a). Xây dựng Đề tài và dự án khoa học các cấp.

Stt	Nội dung	Giờ chuẩn
1	Đề tài NCKH cấp Trường (đề tài đã được nghiệm thu)	300
	- Chủ nhiệm đề tài	70%
	- Các thành viên tham gia (chia đều cho các thành viên)	30%

b). Xây dựng chương trình đào tạo

Thực hiện theo Thông tư 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

- Căn cứ nhiệm vụ được giao hoặc nhu cầu của đơn vị; căn cứ nguồn kinh phí của đơn vị, thủ trưởng đơn vị quyết định việc xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học (bao gồm xây dựng mới, chỉnh sửa, bổ sung) bảo đảm phù hợp với yêu cầu chuyên môn và thực tế hoạt động của đơn vị.

- Căn cứ quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước để quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị thành các yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn, nội dung công việc và các mức chi cụ thể theo công lao động cho các thành viên tham gia xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình tương ứng với nhiệm vụ chuyên môn, sản phẩm đầu ra cụ thể được giao.

c). Bài báo khoa học

Stt	Nội dung	Giờ chuẩn
1	Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước đạt chuẩn theo quy định phù hợp với chuyên ngành.	15
2	Bài báo công bố trên tạp chí khoa học các tỉnh đạt chuẩn theo quy định phù hợp với chuyên ngành.	5

d). Báo cáo khoa học đăng trong các kỷ yếu hội thảo

Stt	Nội dung	Giờ chuẩn
1	Báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế phù hợp với chuyên ngành.	20
3	Báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị, hội thảo chuyên ngành quy mô quốc gia	10
4	Báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo cấp tỉnh	5

e). Biên soạn Giáo trình, Sách tham khảo, Tập bài giảng

Stt	Nội dung	Giờ chuẩn
1	Biên soạn Giáo trình được nghiệm thu và nộp lưu tại phòng Đào tạo, QLKH và HTQT; Trung tâm thư viện	50giờ/01ĐVHT (Không tính ĐVHT thực hành, có hướng dẫn)
2	Sách tham khảo được nghiệm thu và nộp lưu tại phòng Đào tạo, QLKH và HTQT; Trung tâm thư viện	200 giờ

g). Các hoạt động chuyên môn

+ **Sáng tác tác phẩm âm nhạc**

- Sáng tác tác phẩm mới: **100 giờ chuẩn/tác phẩm** (được nghiệm thu có kết quả đạt).

- Các tác phẩm âm nhạc đạt giải do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc do Hội Nhạc sĩ Việt Nam tổ chức (được sự đồng ý của nhà trường):

Giải nhất: **100 giờ chuẩn/01 tác phẩm**

Giải nhì: **50 giờ chuẩn/01 tác phẩm**

Giải ba: **33 giờ chuẩn/01 tác phẩm**

Khuyến khích: **16 giờ chuẩn/01 tác phẩm**

+ **Sáng tác tranh**

- Tham dự triển lãm tranh cấp trường: **100 giờ chuẩn/tác phẩm** - kích thước 60x80cm trở lên (không tính chất liệu bột màu). Được nghiệm thu có kết quả đạt và tác phẩm tranh thuộc sở hữu của nhà trường.

- Tham dự triển lãm tác phẩm điêu khắc cấp trường: **200 giờ chuẩn/tác phẩm** - kích thước 40x60cm khối m3. Được nghiệm thu có kết quả đạt và tác phẩm thuộc sở hữu của nhà trường.

- Có tranh tham dự triển lãm các cấp khu vực, toàn quốc (có giấy chứng nhận của Hội Mỹ thuật Việt Nam, Cục Mỹ thuật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch): **16 giờ chuẩn/01 tác phẩm**.

- Tham dự triển lãm tranh đạt giải do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc do Hội Mỹ thuật Việt Nam tổ chức (được sự đồng ý của nhà trường):

Giải nhất: **100 giờ chuẩn/01 tác phẩm**

Giải nhì: **50 giờ chuẩn/01 tác phẩm**

Giải ba: **33 giờ chuẩn/01 tác phẩm**

Khuyến khích: **16 giờ chuẩn/01 tác phẩm**

Đồng thời trong thời gian tham dự triển lãm tranh được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định của nhà nước.

+ **Biên đạo tác phẩm Múa**

- Biên đạo tác phẩm múa mới: **100 giờ chuẩn/tác phẩm** (được nghiệm thu có kết quả đạt).

- Các tác phẩm Múa đạt giải do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Hội nghệ sĩ Múa tổ chức (được sự đồng ý của nhà trường):

Giải nhất: **100 giờ chuẩn/01 tác phẩm**

Giải nhì: **50 giờ chuẩn/01 tác phẩm**

Giải ba: **33 giờ chuẩn/01 tác phẩm**

Khuyến khích: **16 giờ chuẩn/01 tác phẩm**

h). Hội đồng duyệt đề cương, thẩm định các hoạt động khoa học và công nghệ.

- Thực hiện theo Thông tư 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư liên tịch Số: 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

i). Hội đồng thẩm định Sáng tác âm nhạc; Sáng tác tranh; Biên đạo Múa; Dàn dựng chương trình nghệ thuật.

- Thực hiện theo quy chế chi tiêu nội do nhà trường ban hành hằng năm.

9.2. Nếu tổng số giờ NCKH trong năm của nhà giáo lớn hơn giờ chuẩn quy định và nhà giáo giảng dạy chưa đủ giờ chuẩn thì số giờ vượt trong NCKH được tính bù vào giờ chuẩn giảng dạy để làm căn cứ đánh giá, xếp loại. Nếu tổng số giờ NCKH trong năm của nhà giáo nhỏ hơn giờ chuẩn quy định và nhà giáo giảng dạy vượt giờ chuẩn thì số giờ vượt trong giảng dạy được tính bù vào giờ chuẩn NCKH còn thiếu trước khi tính vượt giờ.

- Đối với chủ nhiệm đề tài NCKH - CN các cấp thuộc trường trực tiếp quản lý, nếu không thực hiện đúng theo hợp đồng phê duyệt hoặc chậm tiến độ sẽ đình chỉ cấp kinh phí, phải bồi hoàn toàn bộ các kinh phí đã được cấp và đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.

- Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế tổng hợp giờ NCKH của nhà giáo và phân loại theo mức độ hoàn thành hoặc không hoàn thành nhiệm vụ NCKH để làm cơ sở xét thi đua khen thưởng.

9.3. Quy trình đăng ký nghiên cứu khoa học.

a. Quy trình

- Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường định hướng nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học trong năm học, giao cho các Khoa triển khai và thực hiện.

- Các Khoa triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đến các nhà giáo trong đơn vị.

- Đề tài nghiên cứu khoa học được nhà giáo được đăng ký tại Khoa vào tuần đầu tiên của tháng 08 hằng năm.

- Ban chủ nhiệm các khoa xét duyệt các đề tài NCKH của nhà giáo, lập danh sách và trình hội đồng khoa học nhà trường (*Nộp cho phòng Đào tạo, QLKH và HTQT*).

- Hội đồng khoa học nhà trường họp xét duyệt đề cương các đề tài NCKH

b. Hồ sơ nghiên cứu khoa học bao gồm:

- Các biểu mẫu đăng ký nghiên cứu khoa học (*Mục lục đính kèm*)

Lưu ý:

- Chỉ tính hoạt động NCKH khi có sản phẩm đã được nghiệm thu.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo này sẽ thay thế cho các văn bản về chế độ của nhà giáo được nhà trường ban hành trước đây. Các đồng chí Trưởng, phó phụ trách phòng, ban, khoa có trách nhiệm triển khai toàn bộ nội dung của Quy định chi tiết chế độ làm việc của nhà giáo tới toàn thể viên chức, giảng viên và người lao động thuộc đơn vị mình.

2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c)
- Các phòng, khoa, trung tâm (để thực hiện)
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Văn Minh